

Bản án số: 02/2024/DS - ST

Ngày: 26/4/2024

V/v: Chia tài sản chung;

Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI CHÂU, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Khắc Tiệp và ông Hà Bá Khiên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Cao.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu tham gia phiên tòa:***
Ông Triệu Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST - DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về Chia tài sản chung, tranh chấp về thừa kế tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 4 năm 2024. Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa và tiếp tục phiên tòa ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị B, sinh năm 1942; nơi cư trú: Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Bị đơn: Ông Vì Văn Hải, sinh năm: 1966; nơi cư trú: Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vì Thị C, sinh năm 1964; nơi cư trú: Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Bà Vì Thị D, sinh năm 1969; nơi cư trú: Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Bà Vì Thị D1, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tiểu khu x, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Bà Ke Thị X, sinh năm 1963; nơi cư trú: Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt, có đơn xin xét vắng mặt.

- Anh Vì Văn T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Chị Vì Thị T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt, có đơn xin xét vắng mặt.

- Ông Lộc Văn Q, sinh năm 1970; nơi cư trú: Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Ông Mạc Văn T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt, có đơn xin xét vắng mặt.

Những người làm chứng:

- Bà Lò Thị X, sinh năm 1967; nơi cư trú: Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Anh Vì Văn Th, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/10/2023, Đơn bổ sung, sửa đổi yêu cầu khởi kiện ngày 21/11/2023 Bản khai ngày 30/11/2023 nguyên đơn Cụ Hà Thị B đã trình bày:

Tôi là Hà Thị B và ông Vì Văn Ch kết hôn với nhau vào năm 1960 và chung sống với nhau tại Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình, có 05 người con chung bao gồm: Vì Văn U, sinh năm 1961 đã chết năm 2020 (có vợ là Ke Thị X, sinh năm 1963 và các con là Vì Văn T, sinh năm 1988 và Vì Thị T, sinh năm 1993); Vì Thị C, sinh năm 1964; Vì Văn H, sinh năm 1966; Vì Thị D, sinh năm 1969; Vì Thị D1, sinh năm 1972. Gia đình tôi có 01 thửa đất có diện tích 428 m² có vị trí tại Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng. Năm 2008 chồng tôi là ông Vì Văn Ch chết không để lại di chúc. Nhưng năm 2015, con trai tôi là Vì Văn H đã tự ý làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên Vì Văn H toàn bộ 428 m² trái pháp luật vì không được sự đồng ý của bất kỳ ai trong gia đình có tên nêu trên. Ngày 25/11/2020, tôi đã làm đơn đề nghị “Về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do không đúng quy định”. Đến ngày 14/6/2023 có Quyết định số: 165/QĐ-VPĐKĐĐ của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình “về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AO 017131 do UBND huyện Mai Châu cấp cho ông Vì Văn H tại xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình” do không đủ điều kiện được cấp. Qua những vấn đề trên thì giữa chúng tôi có hòa giải với nhau về đất đai nêu trên nhiều lần nhưng đều không thành. Hiện nay con tôi là Vì Văn H đang là người quản lý sử dụng không đúng toàn bộ thửa đất nêu trên. Qua hòa giải tại UBND xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu ngày 16/9/2020 ông H có ý kiến là bố đã ủy quyền bằng miệng giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông nên không chia cho ai cả. Về việc ông H tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ quan có thẩm quyền đã xem xét việc nhận thừa kế không hợp pháp nên đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông H tại quyết định nêu trên.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2023 tôi đã khởi kiện về việc chia thừa kế phần của chồng tôi là Vì Văn Ch chết để lại tài sản là loại đất ở, diện tích 214 m² có vị trí tại: Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Nay tôi nhận thấy thửa đất 428 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành R870980, số vào sổ cấp giấy 00750 QSDĐ/QĐ 384 QĐ/UB do UBND huyện Mai Châu cấp ngày 08/12/2000 là cấp cho hộ gia đình tôi gồm hai vợ chồng tôi và các con. Gia đình đã sử dụng từ trước năm 1980 sau năm 1960, quá trình sử dụng cải tạo, tôn tạo đất có công sức của cả gia đình, một thời gian dài sử dụng gia đình tôi vẫn sống chung. Đến năm 2000 chồng tôi là ông Vì Văn Ch đại diện gia đình đến cơ quan

có thẩm quyền kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quá trình sử dụng đất có chính quyền xóm, xã nơi gia đình tôi sinh sống xác nhận. Do vậy tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mai Châu chia tài sản chung theo phần cho 07 thành viên gia đình tôi và sau khi chia tài sản chung thì chia thừa kế phần của chồng tôi ông Vì Văn C đã chết, trong cùng vụ án này, tôi nhường phần của mình đề nghị Tòa án chia cho Vì Văn H, còn những người khác thuộc diện và hàng thừa kế đề nghị Tòa án hỏi ý kiến về chia thừa kế phần của ông Ch và phần của Vì Văn U, đối với việc chia di sản thừa kế của Vì Văn U theo nội dung Thông báo về việc thụ lý, giải quyết đơn yêu cầu độc lập số 185/TB-TA ngày 28/11/2023 tôi đã nhận được đề nghị Tòa án chia phần của tôi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn Cụ Hà Thị B đã trình bày:

Thứ nhất: Gia đình này, tài sản đất đang tranh chấp này là của gia đình, gia đình phải do bố mẹ làm chủ, có quyền quyết định, bố mất tôi là mẹ năm nay đã 82 tuổi vẫn còn sống, về đạo đức các con phải nghe tôi không được tranh chấp mất đoàn kết như thế này.

Thứ hai: Việc Vì Văn H tự ý làm thủ tục sang tên thừa đất 428 m² tại xóm L, xã C, huyện Mai Châu đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình làm của mình là trái pháp luật, không công bằng và đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không có căn cứ gì xác định ông Vì Văn Ch trước khi chết cho Vì Văn H thừa đất này và trước khi chết cũng không để lại di chúc cho Vì Văn H, hơn nữa đất này là của cả gia đình (đã được UBND huyện trả lời là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình) không phải của riêng ông Chàng nên ông Ch không có quyền cho Vì Văn H. Đất này được sự đồng ý của tập thể xóm L, gia đình ở từ trước năm 1980 nhưng đến năm 2000 ông Ch đại diện gia đình đi kê khai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000.

Thứ ba: Tại phiên tòa không thỏa thuận được thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết, chia tài sản chung và chia thừa kế như sau:

- Tôi cùng các con là Vì Thị C, vì Thị D, Vì Thị D1 và hai cháu là Vì Văn T, Vì Thị T đã thống nhất: Tôi đề nghị Tòa án chia đều theo phần bằng nhau, không cần chia theo công sức đóng góp. Sau khi Tòa án chia tài sản chung, xác định phần của từng người gồm Vì Văn Ch, Hà Thị B, Vì Văn U, Vì Văn H, Vì Thị C, Vì Thị D, Vì Thị D1 thì phần của Cụ Ch đồng thời là di sản thừa kế do Cụ Ch đã chết, những người thuộc hàng thừa kế của Cụ Ch gồm Cụ Hà Thị B, Vì Thị C, Vì Thị D, Vì Thị D1 để lại phần của mình cho ông H, đề nghị Tòa chia cho ông H. Phần của ông Vì Văn U đồng thời là di sản thừa kế do ông U đã chết nên những người thuộc hàng thừa kế của ông U gồm mẹ ông U cụ Hà Thị B, vợ là bà Ke Thị X, con Vì Văn T, Vì Thị T. Trong đó vợ là bà Ke Thị X, con Vì Văn T, Vì Thị T đều để lại phần của mình cho cụ Hà Thị B, đề nghị Tòa chia cho cụ B. Phần diện tích đất lớn hơn diện tích đất được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định được đề nghị Tòa án giao cho Vì Văn H và Hà Thị B mỗi người một nửa quản lý và có quyền đăng ký biến động đất đai đóng thuế để được công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích này. Ý kiến của Vì Văn H về diện tích đất tăng thêm là đất ao, tôi đề nghị Tòa án xem xét theo

pháp luật và buộc Vì Văn H phải giao lại đất cho những người được chia theo bản án quyết định của Tòa án.

Ngoài các vấn đề nêu trên tôi không yêu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại bản khai ngày 08/11/2023, Biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2023, bản khai ngày 01/12/2023 và tại phiên tòa, bị đơn ông Vì Văn H, có ý kiến:

Tôi có 01 mảnh đất với diện tích 428 m² có vị trí tại Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình do ông Vì Văn Ch là bố đẻ của tôi để lại cho tôi năm 2007 và đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Vì Văn H. Hiện tại Giấy chứng nhận QSDĐ vẫn do tôi quản lý. Trước đơn khởi kiện của bà Hà Thị B (mẹ đẻ của tôi) về việc chia di sản thừa kế là mảnh đất có diện tích nói trên thì ý kiến của tôi là không đồng ý chia. Vì trước khi bố tôi mất, ông đã giao cho tôi Giấy chứng nhận QSDĐ này qua lời nói nhưng không có bất kì một giấy tờ gì. Và sau đó tôi đã làm các thủ tục để được cấp lại Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên của tôi (Vì Văn H). Tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mai Châu giải quyết theo quy định của pháp luật và giúp đỡ gia đình chúng tôi. Tôi đã chuyên ra ở riêng từ năm 1992. Nguồn gốc thửa đất trên là do bố mẹ đẻ của tôi khai hoang và có từ trước khi tôi sinh ra, sau đó mới kê khai và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Vì Văn Ch. Thửa đất trên là của riêng ông Vì Văn Ch. Nhưng lúc bố tôi còn sống ông đã giao cho tôi thửa đất này. Sau khi được đọc Công văn của UBND huyện Mai Châu trả lời về việc Giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho hộ gia đình ông Vì Văn Chàng chứ không phải cấp riêng cho ông Vì Văn Ch, tôi không đồng ý với nội dung của Công văn trên. Theo tôi quyền sử dụng đối với thửa đất này chỉ cấp cho riêng bố tôi ông Vì Văn Ch. Tôi không có văn bản hay giấy tờ gì, lúc bố tôi giao cho tôi Giấy chứng nhận QSDĐ này vào năm 2007 chỉ qua lời nói và có sự làm chứng của vợ tôi và con trai của tôi. Tôi cam đoan sẽ thu thập các tài liệu, chứng cứ và nếu có thì tôi sẽ giao nộp cho Tòa án. Ông Ch không để lại di chúc gì cả. Khi ông Ch đưa cho tôi Giấy chứng nhận QSDĐ thì ông vẫn còn khỏe mạnh và minh mẫn và ông nói với tôi rằng: “đất này giao cho con (tức là tôi – Vì Văn H) để nộp thuế và giữ lấy, không được bán”. Ngay sau khi ông Ch nói như vậy thì tôi và những người làm chứng là vợ và con trai không ghi chép lại những nội dung mà ông Ch đã nói và kí tên hay điểm chỉ bản ghi chép đó không có văn bản, không có công chứng, chứng thực.

Sau khi nhận được Thông báo về việc bổ sung, sửa đổi yêu cầu khởi kiện số: 180/2023/TB-TA ngày 22/11/2023 và Thông báo về việc thụ lý, giải quyết đơn yêu cầu độc lập số: 185/TB-TA ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tôi không đồng ý với nội dung bổ sung, sửa đổi yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị B và không đồng ý với nội dung yêu cầu độc lập của Vì Văn T.

- Thửa đất diện tích 428 m² có vị trí tại Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình mà mẹ đẻ tôi bà Hà Thị B yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là của tôi, do ông Vì Văn Ch là bố đẻ của tôi để lại cho tôi năm 2007 và đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Vì Văn H. Hiện tại Giấy chứng nhận QSDĐ vẫn do tôi quản lý mặc dù đã có quyết định thu hồi của cơ quan Nhà nước. Đối với việc bổ sung, sửa đổi yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị B (mẹ đẻ của tôi) về việc chia tài sản chung cho các thành viên trong hộ gia đình như Thông báo đã nêu là mảnh đất có diện tích nói trên thì ý kiến của tôi là không đồng ý chia và tôi cũng không

đồng ý với nội dung yêu cầu độc lập của Vì Văn T, vì thửa đất trên được cấp tên bố tôi Vì Văn Ch trước khi bố tôi mất, ông đã giao cho tôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này qua lời nói nhưng không có bất kì một giấy tờ gì. Và sau đó tôi đã làm các thủ tục để được cấp lại Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên của tôi (Vì Văn H). Về diện tích đất tăng thêm theo tôi là đất ao. Do tôi không đồng ý chia tài sản chung và chia thừa kế nên tôi không có ý kiến gì về chia tài sản chung bằng nhau hay chia theo công sức và về đất tăng thêm cũng không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án yêu cầu bà Biên cung cấp giấy chứng nhận kết hôn bản gốc giữa bà Hà Thị B và ông Vì Văn Ch. Tôi yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 428 m² mà bà B đang yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và chia thừa kế là của tôi. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mai Châu giải quyết theo quy định của pháp luật và giúp đỡ gia đình chúng tôi. Ngoài các vấn đề nêu trên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại bản khai ngày 06/12/2023 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vì Thị C, Vì Thị D, Vì Thị D1 đều có ý kiến:

Tại các bản khai chúng tôi cũng đã trình bày các vấn đề liên quan đến vụ án, chúng tôi công nhận mẹ chúng tôi là Hà Thị B trình bày các vấn đề như tại phiên tòa là đúng.

Kể từ sau khi chúng tôi nhận được Thông báo về việc bổ sung, sửa đổi yêu cầu khởi kiện số: 180/2023/TB-TA ngày 22/11/2023 và Thông báo về việc thụ lý, giải quyết đơn yêu cầu độc lập số: 185/TB-TA ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, chúng tôi đều đồng ý với nội dung bổ sung, sửa đổi yêu cầu khởi kiện của mẹ chúng tôi là Hà Thị B, là nguyên đơn và yêu cầu độc lập của cháu chúng tôi là Vì Văn T, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Chúng tôi không có yêu cầu độc lập mà chỉ có ý kiến đề nghị xem xét và giải quyết chia tài sản chung cho 07 thành viên trong gia đình, sau khi xác định được phần của bố chúng tôi là Vì Văn Ch và phần của anh chúng tôi là Vì Văn U thì chia di sản thừa kế phần của ông Vì Văn Ch và phần của anh U cho những người thuộc diện và hàng thừa kế theo quy định của pháp luật như ý kiến yêu cầu của mẹ chúng tôi và cháu chúng tôi thể hiện ở các thông báo nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay chúng tôi cũng đồng ý về cách phân chia tài sản chung và chia thừa kế mà mẹ chúng tôi đã trình bày cụ thể là: Chúng tôi đề nghị Tòa án chia đều theo phần bằng nhau, không chia theo công sức đóng góp. Sau khi Tòa án chia tài sản chung, xác định phần của từng người, thì phần của Cụ Ch đồng thời là di sản thừa kế do cụ Ch đã chết, những người thuộc hàng thừa kế của cụ Ch gồm cụ Hà Thị B, Vì Thị C, Vì Thị D, Vì Thị D1 nhường lại phần của mình cho ông H, đề nghị Tòa chia cho ông H. Đối với phần diện tích đất lớn hơn diện tích đất được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định được đề nghị Tòa án giao cho Vì Văn H và Hà Thị B mỗi người một nửa quản lý và có quyền đăng ký biến động đất đai đóng thuế để được công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích này. Còn ý kiến của ông Vì Văn H về diện tích đất tăng thêm là đất ao, chúng tôi đề nghị Tòa án xem xét theo pháp luật.

Đề nghị Tòa án buộc Vì Văn H phải giao lại đất cho những người được chia theo bản án quyết định của Tòa án.

Tại bản khai ngày 04/4/2024 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vì Văn T và Ke Thị X, Vì Thị T vắng mặt, tại bản khai ngày 04/4/2024, đều có ý kiến:

Trước hết chúng tôi đồng ý với ý kiến của cụ Hà Thị B và Vì Thị C, Vì Thị D, Vì Thị D1. Chúng tôi là Ke Thị X là vợ của Vì Văn U, các con là Vì Văn T, Vì Thị T. Vì Văn U là con của cụ Hà Thị B và cụ Vì Văn Ch. Phần tài sản chung là đất của Vì Văn U đồng thời là di sản thừa kế do ông U đã chết nên những người thuộc hàng thừa kế của ông U gồm Cụ Hà Thị B, Ke Thị X, Vì Văn T và Vì Thị T đều đồng ý để lại phần của mình cho Cụ Hà Thị B, đề nghị Tòa án chia cho Cụ B. Đối với phần diện tích đất lớn hơn diện tích đất được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua xem xét, thẩm định tại chỗ xác định được đề nghị Tòa án giao cho Vì Văn H và Hà Thị B mỗi người một nửa quản lý và có quyền đăng ký biến động đất đai đóng thuế để được công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích này. Đề nghị Tòa án buộc Vì Văn H phải giao lại đất cho những người được chia theo bản án quyết định của Tòa án.

Ngoài các vấn đề nêu trên chúng tôi không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì khác. Vì Văn T có ý kiến đối với ý kiến của Vì Văn H về diện tích đất tăng thêm là đất ao, tôi đề nghị Tòa án xem xét theo pháp luật.

Tại bản khai ngày 18/3/2024 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lộc Văn Q có ý kiến:

Đại diện gia đình, tôi trình bày như sau: Gia đình tôi có thửa đất giáp ranh với thửa đất mà Tòa án đang giải quyết. Ngày 20/12/2023 Tòa án nhân dân huyện Mai Châu đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đối với diện tích 428 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00750 QSDD/QĐ 384QĐ/UB ngày 08/12/2000, do UBND huyện Mai Châu cấp ghi tên người được quyền sử dụng ông Vì Văn Ch. Vị trí đất tại Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Tôi đã có ý kiến đất hiện không có tranh chấp. Sau khi nhận được Thông báo về việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án, trong đó có nêu về đất liên quan đến gia đình tôi. Nay thay mặt gia đình tôi có ý kiến như sau:

Trong Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án lập ngày 20/12/2023 kèm theo sơ đồ Mảnh trích đo địa chính số - 2023, hệ tọa độ VN 2000, xóm Lác, tờ số 11 thể hiện thửa đất số 74 là thửa đất có tranh chấp Tòa án đang giải quyết có mốc giới đo đạc thực tế khi xem xét thẩm định tại chỗ mé bên phải góc Sáu (hướng từ đường bê tông nhìn vào thửa đất) thửa 74 đang tự lùi vào thửa 74 là hình tam giác diện tích 2,9 m². Tuy vậy để tránh tranh chấp sau này tôi đồng ý xác định mốc giới là mé bên phải góc Sáu theo mốc xem xét thẩm định tại chỗ về phía bên trái góc Sáu hướng từ đường bê tông nhìn vào thửa đất là 0,40 m tôi cũng đồng ý xác định mốc giới theo Bản đồ địa chính của cơ quan nhà nước, của đơn vị thực hiện dự án đo đạc bản đồ địa chính xã Chiềng Châu và công nhận diện tích 2,9 m² này là của thửa số 74, không có tranh chấp gì.

Ông Mạc Văn T vắng mặt, tại bản khai ngày 17/3/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mạc Văn T có ý kiến:

Đại diện gia đình, tôi trình bày như sau: Gia đình tôi có thửa đất giáp ranh với thửa đất mà Tòa án đang giải quyết. Ngày 20/12/2023 Tòa án nhân dân huyện

Mai Châu đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đối với diện tích 428 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00750 QSDĐ/QĐ 384QĐ/UB ngày 08/12/2000, do UBND huyện Mai Châu cấp ghi tên người được quyền sử dụng ông Vi Văn Ch. Vị trí đất tại Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Tôi đã có ý kiến đất hiện không có tranh chấp. Sau khi nhận được Thông báo về việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án, trong đó có nêu về đất liên quan đến gia đình tôi. Nay thay mặt gia đình tôi có ý kiến như sau là: Trong Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án lập ngày 20/12/2023 kèm theo sơ đồ Mảnh trích đo địa chính số - 2023, hệ tọa độ VN 2000, xóm Lác, xã Chiềng Châu, tờ số 11 thực tế đang sử dụng so với Bản đồ địa chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, của đơn vị thực hiện dự án đo đạc bản đồ địa chính xã Chiềng Châu thể hiện thửa đất số 74 là thửa đất có tranh chấp Tòa án đang giải quyết hiện đang lấy vào thửa đất nhà tôi (thửa đất số 52) là hình tam giác diện tích 5,9 m² và tự lùi vào thửa đất số 74 là hình tam giác diện tích 1,9 m². Tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo mốc giới và theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ vì thực tế này hai bên là gia đình tôi và gia đình bà Hà Thị B đã sử dụng ổn định không có tranh chấp gì. Sau khi Tòa giải quyết xong chúng tôi những người sử dụng đất của thửa 74 và tôi sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh bản đồ địa chính theo thực tế đang sử dụng, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nêu trên, gia đình tôi không lấy lại 5,9 m² nêu trên.

Ngoài ra tại phiên tòa các đương sự có mặt đều có ý kiến nhất trí với các mốc giới, ranh giới thửa đất 428 m² nêu trên và nhất trí trừ đất hành lang mương là 17,3 m² theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ kèm sơ đồ Mảnh trích đo địa chính số - 2023, hệ tọa độ VN 2000, xóm L, xã Chiềng Châu, tờ số 11 (286 401 - 5 - b), đều nhất trí không lấy lại diện tích 1,9 m² giáp đất hộ Mạc Văn T (ở cạnh thứ 3 đường gấp khúc phía mương) và cũng đều nhất trí với việc dịch mốc giới phía đường bê tông nhìn vào thửa đất, giáp đất hộ ông Lộc Văn Q từ bên phải góc Sáu sang bên trái góc Sáu 0.40 m theo Bản đồ địa chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, của đơn vị thực hiện dự án đo đạc bản đồ địa chính xã Chiềng Châu. Đương sự Mạc Văn T vắng mặt cũng đã có ý kiến nhất trí với hiện trạng hai gia đình đang sử dụng, không lấy lại 5,9 m² như ý kiến của anh Mạc Văn T nêu trên. Các đương sự Hà Thị B, Vi Thị C, Vi Thị D, Vi Thị D1, Ke Thị X, Vi Thị T tại phiên tòa và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đều có ý kiến về việc chia tài sản chung là chia theo phần bằng nhau, không đề nghị chia theo công sức.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu phát biểu quan điểm về vụ án, tóm tắt như sau:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát quá trình giải quyết vụ án thấy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu. Quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện Mai Châu đã thụ lý, thu thập các tài liệu chứng cứ và giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay, đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về giải quyết vụ án: Qua ý kiến trình bày của các bên đương sự, các chứng cứ mà đương sự đã cung cấp có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, thể hiện Cụ Hà Thị B, Vì Văn Ch là vợ chồng có 05 người con. Cụ Châng chết năm 2008, con là Vì Văn Úp chết năm 2020. Có đủ căn cứ xác định thửa đất có diện tích 428 m² đang tranh chấp Tòa án đang giải quyết là tài sản chung của hộ gia đình. Ý kiến của nguyên đơn cụ Hà Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con, các cháu Cụ về chia tài sản chung, chia thừa kế là thửa đất nêu trên và ý kiến về việc giao phần đất lớn hơn diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là hoàn toàn tự nguyện có căn cứ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Các vấn đề khác đã nêu trong Văn bản phát biểu ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu theo khoản 14, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về thời hiệu thừa kế:** Căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định còn thời hiệu.

[3] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Nguyên đơn đã bổ sung, sửa đổi yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Vì Văn T có yêu cầu độc lập nêu trên, nên xác định đây là loại tranh chấp về dân sự, là Chia tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản.

[4] **Về việc vắng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Ke Thị X, chị Vì Thị T, ông Mạc Văn T vắng mặt đã có lời khai, đã có đơn đề nghị xử vắng mặt, nên không hoãn phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] **Xét yêu cầu của nguyên đơn:**

Nguyên đơn có hai yêu cầu là Chia tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản, đối với thửa đất có diện tích 428 m² là loại đất ở, có vị trí tại Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành R870980, số vào sổ cấp giấy 00750 QSDĐ/QĐ 384 QĐ/UB do UBND huyện Mai Châu cấp ngày 08/12/2000.

- Về yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất nêu trên: Các chứng cứ gồm hồ sơ kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, văn bản của UBND huyện Mai Châu là cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ý kiến của các đương sự cụ Hà Thị B, bà Vì Thị C, bà Vì Thị D, bà Vì Thị D1. Đều thể hiện thửa đất 428 m² nêu trên cấp cho hộ gia đình Cụ Vì Văn Ch. Hộ gia đình cụ Ch có 07 người gồm cụ Vì Văn Ch (chết năm 2008), cụ Hà Thị B, ông Vì Văn U (chết năm 2020), ông Vì Văn H, bà Vì Thị C, bà Vì Thị D, bà Vì Thị D1. Các đương sự cụ Hà Thị B, bà Vì Thị C, bà Vì Thị D, bà Vì Thị D1, bà Ke Thị X, anh Vì Văn T, chị Vì Thị T đều đề nghị Tòa án chia theo phần bằng nhau, không chia theo công

sức, ý kiến này là tự nguyện của đa số các đương sự liên quan đến chia tài sản chung. Do đó đã đủ căn cứ xác định là tài sản chung, yêu cầu chia tài sản chung là có căn cứ. Cần chấp nhận chia, xác định phần của 07 người như sau: $428 \text{ m}^2 : 07 \text{ người} = 61,14 \text{ m}^2$. Xác định phần của mỗi người là $61,14 \text{ m}^2$. Căn cứ Điều 212, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn: Xác định là thừa kế theo pháp luật. Di sản thừa kế của cụ Vì Văn Ch là $61,14 \text{ m}^2$, xác định các đương sự gồm cụ Hà Thị B, ông Vì Văn H, bà Vì Thị C, bà Vì Thị D, bà Vì Thị D1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất, không có nghĩa vụ gì đối với di sản thừa kế cụ Ch để lại, trừ ông H thì họ đều đồng ý để di sản phần của cụ Vì Văn Ch cho ông Vì Văn H. Như vậy, ông Vì Văn H được hưởng $61,14 \text{ m}^2$ cộng với phần của ông H $61,14 \text{ m}^2$. Tổng cộng ông Vì Văn H được chia **122,28 m²**. Căn cứ vào Điều 633, 634, 675, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] **Xét yêu cầu của bị đơn:** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Vì Văn H cho rằng ông được bố là cụ Vì Văn Ch cho thừa đất 428 m^2 nêu trên và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu Tòa án xác định là đất của ông, ông không đồng ý chia cho ai hết. Xét thấy tại Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 165/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 14/6/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình, đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AO 017131, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận H 00750 QSDĐ do UBND huyện Mai Châu cấp cho ông Vì Văn H ngày 02/3/2009, lý do thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đủ điều kiện được cấp và chính vợ của ông Vì Văn H là bà Lò Thị X người làm chứng trong vụ án có ý kiến: Thừa đất nêu trên là do cụ Ch đã đưa Giấy chứng nhận QSDĐ thừa đất liên quan đến tranh chấp này là thừa đất có diện tích 428 m^2 , tại Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình cho vợ chồng ông H nhưng cụ không để lại di chúc bằng văn bản và cũng không để lại di chúc bằng lời nói và cụ Ch chỉ nói là “*Cầm lấy giấy tờ này để nộp thuế và các chỉ tiêu pháp lệnh của nhà nước; giữ lấy để cho các con cháu sau này ở*”. Còn ý kiến của anh Vì Văn Th con của ông H là người làm chứng trong vụ án là: Ông nội là Vì Văn Ch chết vào cuối năm 2008 nhưng không để lại di chúc bằng văn bản và cũng không để lại di chúc bằng lời nói, nhưng lúc ông vẫn còn khỏe, ông có đưa giấy tờ về đất đai cho bố mẹ của anh Th giữ, còn cụ Ch nói với bố mẹ anh như thế nào anh Th không rõ. Anh Th không nhớ rõ thời gian ông nội đưa cho bố mẹ anh các giấy tờ liên quan đến thừa đất cụ thể như nào. Đến bây giờ anh Th mới biết đó là thừa đất có diện tích 428 m^2 , tại Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Lúc đó em trai là Vì Văn Th1 có ở đấy nhưng còn nhỏ, mới 10 tuổi nên không biết về vấn đề này. Như vậy vợ và con ông không nói là cụ Ch cho ông H đất. Hơn nữa, các chứng cứ nêu trên thể hiện thừa đất 428 m^2 là tài sản chung của hộ gia đình ông Vì Văn Ch, nên cụ Ch không có quyền cho riêng ông H toàn bộ thừa đất. Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến nay Tòa án đã yêu cầu nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh mình là người có quyền sử dụng thừa đất nêu trên hợp pháp và cũng không cung cấp được chứng cứ gì về việc cụ Ch để lại di chúc bằng văn bản hoặc bằng lời nói cho ông H được hưởng di sản là toàn bộ thừa đất trên. Như vậy, ý kiến, yêu cầu của ông H về việc toàn bộ thừa đất 428 m^2 quyền sử dụng đất của ông H là

không có căn cứ và không được chấp nhận. Ông H chỉ có một phần trong số tài sản chung 428 m² đất nêu trên. Cần xử không chấp nhận yêu cầu của ông Vi Văn H và buộc ông Vi Văn H phải giao lại phần đất không phải là của mình cho người khác được chia, do không có căn cứ xác lập hợp pháp quyền sử dụng toàn bộ thửa đất nêu trên theo quy định tại Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra ông Vi Văn H còn có ý kiến đề nghị cụ B cung cấp bản gốc giấy chứng nhận kết hôn với cụ Ch. Xét thấy cụ B trình bày có đăng ký kết hôn năm 1960 do lâu nên đã mất. Nhưng các tài liệu chứng cứ gồm Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Vi Văn H; Đơn xin xác nhận mối quan hệ vợ chồng; Giấy xác nhận quan hệ, có trong hồ sơ đều thể hiện cụ Hà Thị B và cụ Vi Văn Ch có quan hệ là vợ, chồng.

[7] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vi Văn T: Anh Vi Văn T tại đơn yêu cầu độc lập đề nghị chia phần tài sản của ông U sau khi Tòa án chia tài sản chung cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, xác định được phần của ông úp đồng thời là di sản thừa kế của ông U là 61,14 m² lẽ ra phải chia cho 04 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nhưng tại phiên tòa anh Vi Văn T, quá trình giải quyết vụ án bà Ke Thị X, chị Vi Thị T thuộc hàng thừa kế thứ nhất di sản thừa kế của Vi Văn U đã có ý kiến nhường toàn bộ phần của mình cho cụ Hà Thị B, cụ Hà Thị B đồng ý trong đó có cả phần của cụ. Xét thấy yêu cầu này là tự nguyện phù hợp quy định của pháp luật, cần chấp nhận và chia cho cụ Hà Thị B, như vậy cụ B được chia tổng số là 305,7 m². Căn cứ vào Điều 611, 612, 650, 651, khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra còn căn cứ quy định của Điều 166, 167 Luật Đất đai năm 2013 được sửa đổi, bổ sung năm 2018 để giải quyết vụ án.

[8] Về diện tích đất đang có sự chênh lệch tăng thêm: Giữa diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành R870980, số vào sổ cấp giấy 00750 QSDĐ/QĐ 384 QĐ/UB do UBND huyện Mai Châu cấp ngày 08/12/2000 so với diện tích đất đang sử dụng thực tế cụ thể trong Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2023 và mảnh trích đo địa chính có hệ tọa độ VN 2000, xóm Lác, tờ số 11 có diện tích là 497,1 m². Trong đó có 17,3 m² đất thuộc hành lang bảo vệ nương; thửa 74 (thửa đang có tranh chấp) lấy sang thửa 52 (thửa nhà Mạc Văn T, đoạn gấp khúc) 5,9 m², lấy vào (lùi vào) thửa 74 hai bên, bên giáp nhà Lộc Văn Q (thửa đất số 81) 2,9 m²; bên giáp nhà Mạc Văn T, đoạn giáp nương 1,9 m², tổng là 4,8 m². Tuy nhiên hộ giáp ranh ông Lộc Văn Q và các đương sự khác là Cụ Hà Thị B, bà Vi Thị C, bà Vi Thị D, bà Vi Thị D1 đều xác nhận diện tích 2,9 m² là của thửa 74; hộ giáp ranh ông Mạc Văn T và các đương sự khác là: Cụ Hà Thị B, bà Vi Thị C, bà Vi Thị D, bà Vi Thị D1 đều xác nhận diện tích 5,9 m² là của thửa 74 và diện tích 1,9 m² là của thửa 52. Như vậy $497,1 \text{ m}^2 + 2,9 \text{ m}^2 - 17,3 \text{ m}^2 - 428 \text{ m}^2 =$ diện tích tăng thêm là 54,7 m², diện tích này không nằm hoàn toàn trong ranh giới thửa đất 428 m², nên không chia diện tích phần tăng thêm này mà chỉ giao cho những người được chia đất quản lý và có quyền đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật. Ngoài ra tại phiên tòa các đương sự có ý kiến về diện tích tăng thêm 54,7 m² là đất ao. Xét thấy tại hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Chi nhánh Văn phòng

Đăng ký đất đai huyện Mai Châu cung cấp cho Tòa án thể hiện vào năm 2000 đã kê khai cả đất ao và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là loại đất T, có sơ đồ thửa đất hình dạng phù hợp với sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ, đều cùng là một thửa đất nhưng các cạnh hiện trạng sử dụng đều có sự thay đổi nên có diện tích tăng thêm nêu trên.

[9] Về diện tích ranh giới, mốc giới đất của những người được chia:

- Đối với ông Vi Văn H được chia quyền sử dụng đất diện tích là 122,28 m² và giao cho ông H 27,35 m² phần diện tích tăng thêm để quản lý. Hai loại diện tích này cùng một thửa (149.63m²), có mốc giới chiều dài phía giáp thửa đất của hộ ông Lộc Văn Q (hướng Đông Nam) cụ thể là từ đường bê tông nhìn vào từ phía bên phải gốc cây Sấu mốc số 2 về phía bên trái gốc Sấu 0,4 m (mốc 2a) là mốc bắt đầu của chiều dài đến mốc số 3a là 13,74 m; chiều dài phía giáp đất của cụ B được chia (hướng Tây Bắc) nối mốc số 7 với mốc số 8 là 15 m; chiều rộng phía đường bê tông (hướng Đông Bắc) từ phía bên trái gốc cây Sấu (mốc 2a) về phía đất của cụ B được chia mốc số 7 là 10,4 m; chiều rộng phía nương nước (hướng Tây Nam) nối mốc 3a với mốc số 8 là 10,48 m.

- Đối với cụ Hà Thị B được chia quyền sử dụng đất diện tích là 305,7 m² và giao cho cụ B 27,35 m² phần diện tích tăng thêm để quản lý. Hai loại diện tích này cùng một thửa (333.05m²), có mốc giới chiều rộng phía giáp đất ông Vi Văn H được chia (hướng Đông Nam) mốc số 7 đến số 8 là 15 m; chiều rộng phía giáp hộ Mạc Văn T (hướng Tây Bắc) là đường gấp khúc có các đoạn từ mốc số 1 đến mốc số 6 là 8,14 m, đoạn từ mốc số 6 đến mốc số 5 là 8,02 m, đoạn từ mốc số 5 đến mốc số 4a là 8,94 m; chiều dài giáp đường bê tông (hướng Đông Bắc) từ mốc số 7 đến mốc số 1 là 16,85 m; chiều dài giáp nương nước (hướng Tây Nam) từ mốc số 8 đến mốc số 4a là 24,12 m.

(Các mốc, cạnh nêu trên được thể hiện tại Sơ đồ Mảnh trích đo địa chính số - 2023 hệ tọa độ VN 2000, xóm Lác, tờ số 11 (286 401 – 5 – b) và chia tài sản chung, chia thừa kế (Theo bản án số: 02/2024/DS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình).

[10] Về án phí:

- Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 28/3/2024 đã kết luận thửa đất 428 m² có giá trị 1.797.600.000 đồng, trong đó 01m² tương ứng với giá 4.200.000 đồng.

- Cụ Hà Thị B đã có đơn đề nghị được miễn án phí. Xét thấy cần miễn toàn bộ án phí cho cụ Hà Thị B theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ Điều 12, 14, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Ông Vi Văn H phải nộp án phí đối với phần được chia là 20.023.000 đồng. Căn cứ vào quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Anh Vì Văn T có yêu cầu độc lập đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng, xét thấy anh T thuộc hàng thừa kế thứ nhất đối với di sản của ông Vì Văn U. Anh T đã nhường để lại phần của mình cho cụ Hà Thị B, nên không phải nộp án phí, trả lại cho anh Vì Văn T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[11] **Về chi phí tố tụng:** Bà Vì Thị D1 đã tự nguyện chi phí tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, bà D1 không có yêu cầu gì về vấn đề này nên không xem xét quyết định ai là người phải nộp.

[12] **Về quyền kháng cáo:** Căn cứ vào Điều 271, khoản 1, 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo cùng thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 14, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 623, Điều 212, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 633, 634, 675, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 221; Điều 611, 612, 650, 651, khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 166, 167 Luật Đất đai năm 2013 được sửa đổi, bổ sung năm 2018;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ Điều 12, 14, 15 ; Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 271, khoản 1, 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các nhận định nêu trên.

1. Không chấp nhận ý kiến, yêu cầu công nhận toàn bộ thửa đất 428 m², vị trí tại xóm Lác, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành R870980, số vào sổ cấp giấy 00750 QSDĐ/QĐ 384 QĐ/UB do UBND huyện Mai Châu cấp ngày 08/12/2000 của ông Vì Văn H.

2. Chia cho ông Vì Văn H quyền sử dụng đất diện tích 122,28 m² và giao cho ông H 27,35 m² phần diện tích tăng thêm có vị trí tại Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình, để quản lý. Hai loại diện tích này cùng một thửa (149.63m²), có mốc giới chiều dài phía giáp thửa đất của hộ ông Lộc Văn Q (hướng Đông Nam) cụ thể là từ đường bê tông nhìn vào từ phía bên phải gốc cây Sấu mốc số 2 về phía bên trái gốc Sấu 40 cm (mốc 2a) là mốc bắt đầu của chiều dài đến mốc số 3a là 13,74 m; chiều dài phía giáp đất của cụ B được chia (hướng Tây Bắc) nối mốc số 7 với mốc số 8 là 15 m; chiều rộng phía đường bê tông (hướng Đông Bắc) từ phía bên trái gốc cây Sấu (mốc 2a) về phía đất của cụ B được chia mốc số 7 là 10,4 m; chiều rộng phía nương nước (hướng Tây Nam) nối mốc 3a với mốc số 8 là 10,48 m.

3. Chia cho cụ Hà Thị B quyền sử dụng đất diện tích 305,7 m² và giao cho cụ B 27,35 m² phần diện tích tăng thêm có vị trí tại Xóm L, xã C, huyện M, tỉnh

Hòa Bình, để quản lý. Hai loại diện tích này cùng một thửa (333.05m²), có mốc giới chiều rộng phía giáp đất ông Vì Văn H được chia (hướng Đông Nam) mốc số 7 đến số 8 là 15 m; chiều rộng phía giáp hộ Mạc Văn T (hướng Tây Bắc) là đường gấp khúc có các đoạn từ mốc số 1 đến mốc số 6 là 8,14 m, đoạn từ mốc số 6 đến mốc số 5 là 8,02 m, đoạn từ mốc số 5 đến mốc số 4a là 8,94 m; chiều dài giáp đường bê tông (hướng Đông Bắc) từ mốc số 7 đến mốc số 1 là 16,85 m; chiều dài giáp nương nước (hướng Tây Nam) từ mốc số 8 đến mốc số 4a là 24,12 m.

Ông Vì Văn H phải giao lại diện tích đất đã chia cho cụ Hà Thị B có diện tích mốc giới, vị trí nêu trên.

Các mốc, cạnh nêu trên được thể hiện tại Sơ đồ Mạnh trích đo địa chính số - 2023 hệ tọa độ VN 2000, xóm Lác, tờ số 11 (286 401 – 5 – b) và chia tài sản chung, chia thừa kế (Kèm theo bản án số: 02/2024/DS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình).

4. Ông Vì Văn Hải, cụ Hà Thị B có quyền đăng ký biến động đất đai, thực hiện các quy định của pháp luật để được công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được giao quản lý nêu trên.

5. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí cho cụ Hà Thị B.
- Ông Vì Văn H phải nộp án phí đối với phần được chia là 20.023.000 đồng.
- Trả lại cho anh Vì Văn T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00036xx ngày 27/11/2023.

6. Về chi phí tố tụng: Bà Vì Thị D1 đã tự nguyện chi phí tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, bà D1 không có yêu cầu gì về vấn đề này nên không xem xét quyết định ai là người phải nộp.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xét xử phúc thẩm, theo quy định của pháp luật. Người vắng mặt có quyền kháng cáo cùng thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- VKSND huyện MC;
- THA dân sự;
- UBND xã Chiềng Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Phạm Thanh Tùng